

Bản án số: 190/2024/DS-ST

Ngày: 24 – 9 – 2024

V/v Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ S, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lệ Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Cẩm Thanh

Ông Huỳnh Mạnh

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lý Thành Công – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Bà Đồ Ngọc Tuyên – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 286/2024/TLST-DS, ngày 05 tháng 7 năm 2024, về “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 497/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần S; Địa chỉ: Số 128, đường N, phường Bể, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Võ Anh H, sinh năm 1997; Địa chỉ: Số 47, đường L, Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Văn bản ủy quyền số 289/2024/UQ-SVN ngày 31/10/2023 – vắng mặt do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Triệu Minh L, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số nhà 8/12A, đường L, Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 6 năm 2024, đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 24 tháng 9 năm 2024, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Anh H trình bày:

Vào ngày 07/02/2023, ông Triệu Minh L có đến Chi nhánh của Công ty TNHH S (nay là Công ty cổ phần S) để ký hợp đồng cầm cố tài sản, cụ thể là hợp

đồng số STM230201004NA22X được ký giữa các bên ngày 07/02/2023, số đăng ký giao dịch bảo đảm trên hệ thống đăng ký trực tuyến của Cục đăng ký quốc gia. Tài sản ký hợp đồng cầm cố là 01 (một) xe mô tô hai bánh biển số 83P4-529.41, loại xe Honda Wave 110c, màu xanh bạc, số khung: RLHJA3922NY526856, số máy: JA39E2994262, chứng nhận đăng ký xe mô tô số 008205 do Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 27/01/2023, số tiền cầm cố là 6.600.000 đồng (sáu triệu sáu trăm nghìn đồng), thời hạn cầm cố là 06 tháng (từ ngày 07/02/2023 – 07/8/2023) với mức lãi suất là 1.1%/tháng.

Theo hợp đồng cầm cố đã ký thì Công ty đã giải ngân đầy đủ số tiền trên cho ông Triệu Minh L. Do nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên Công ty có ký giấy cho ông Triệu Minh L mượn lại xe để sử dụng. Trong giấy mượn xe có quy định rõ thời hạn mượn xe từ ngày 07/02/2023 đến 07/03/2023, địa điểm trả xe là tại Chi nhánh Sóc Trăng. Ông Triệu Minh L có cam kết rõ ràng trong giấy mượn xe “hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thoả thuận”. Trong quá trình trả nợ, ông Triệu Minh L chưa thanh toán đúng nghĩa vụ theo Hợp đồng cho Công ty. Đến nay đã quá hạn, ông Triệu Minh L không trả nợ cho Công ty và cũng không trả lại xe máy cho Công ty.

Tại đơn khởi kiện ngày 15/6/2024, Công ty cổ phần S yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Triệu Minh L phải thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe đã ký với Công ty cổ phần S - Chi nhánh Sóc Trăng với số tiền tạm tính đến ngày 08/6/2024 là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) bao gồm tiền nợ gốc là 4.470.000 đồng, tiền lãi là 197.000 đồng, lãi quá hạn là 664.000 đồng, phí theo dõi là 6.669.000 đồng. Ngoài ra ông Triệu Minh L còn phải chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 09/6/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 24/9/2024, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Anh H yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Triệu Minh L phải thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe đã ký với Công ty cổ phần S - Chi nhánh Sóc Trăng với số tiền tính đến ngày 24/9/2024 là 5.656.774 đồng (năm triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm bảy mươi bốn đồng) bao gồm tiền nợ gốc là 4.469.462 đồng, tiền lãi trong hạn kể từ ngày 08/4/2023 đến ngày 07/8/2023 là 196.656 đồng, lãi quá hạn từ ngày 08/8/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là 990.656 đồng. Ngoài ra yêu cầu tiếp tục tính lãi theo mức lãi suất quá hạn kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ. Công ty cổ phần S không yêu cầu ông Triệu Minh L thanh toán tiền phí theo dõi là 6.669.000 đồng (sáu triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

Trường hợp ngay sau khi ông Triệu Minh L thanh toán hết nợ gốc, lãi suất cho Công ty thì Công ty cổ phần S sẽ giao trả lại cho ông Triệu Minh L bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô hai bánh biển số 83P4-529.41, loại xe Honda Wave 110c, màu xanh bạc, số khung: RLHJA3922NY526856, số máy: JA39E2994262, chứng nhận đăng ký xe mô tô số 008205 do Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 27/01/2023 cho ông Triệu Minh L.

* Bị đơn ông Triệu Minh L vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến.

* Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Bị đơn ông Triệu Minh L không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu mà nguyên đơn đã trình bày và giao nộp cho Tòa án.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung khởi kiện, nguyên đơn Công ty cổ phần S yêu cầu ông Triệu Minh L phải thực hiện nghĩa vụ trả lại tiền còn nợ theo hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe đã ký với Công ty cổ phần S. Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong vụ án, bị đơn ông Triệu Minh L cư trú tại thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân thành phố S thụ lý giải quyết theo thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn ông Triệu Minh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 3 Điều 235 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Võ Anh H, ông Triệu Minh L và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

[3] Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 24/9/2024, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Anh H thay đổi yêu cầu khởi kiện. Công ty cổ phần S chỉ yêu cầu ông Triệu Minh L phải thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe đã ký với Công ty cổ phần S - Chi nhánh Sóc Trăng với số tiền tính đến ngày 24/9/2024 là 5.656.774 đồng (năm triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm bảy mươi bốn đồng) bao gồm tiền nợ gốc là 4.469.462 đồng, tiền

lãi trong hạn kể từ ngày 08/4/2023 đến ngày 07/8/2023 là 196.656 đồng, lãi quá hạn từ ngày 08/8/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là 990.656 đồng. Ngoài ra yêu cầu tiếp tục tính lãi theo mức lãi suất quá hạn kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận đối với việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

[4] Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần S:

[4.1] Hợp đồng cầm cố số STM230201004NA22X ngày 07/02/2023 và Phụ lục hợp đồng cầm cố ngày 07/02/2023, Phiếu đăng ký cầm cố xe máy ngày 07/02/2023 được ký kết giữa Công ty TNHH S (nay là Công ty cổ phần S) và ông Triệu Minh L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức theo quy định tại Điều 309 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia có các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký.

[4.2] Nguyên đơn Công ty cổ phần S yêu cầu bị đơn ông Triệu Minh L phải trả cho Công ty cổ phần S tổng số tiền nợ tính đến ngày 24/9/2024 là 5.656.774 đồng (năm triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm bảy mươi bốn đồng) bao gồm tiền nợ gốc là 4.469.462 đồng, tiền lãi trong hạn kể từ ngày 08/4/2023 đến ngày 07/8/2023 là 196.656 đồng, lãi suất quá hạn từ ngày 08/8/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/9/2024) là 990.656 đồng và tiền lãi suất quá hạn kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm đến cho đến khi thanh toán hết nợ.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố S đã thông báo hợp lệ cho ông Triệu Minh L biết về yêu cầu khởi kiện cũng như các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, ông Triệu Minh L không trình bày ý kiến phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản mà nguyên đơn đưa ra. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 92 và khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về việc xác định chứng cứ và những tình tiết sự kiện không phải chứng minh, Hội đồng xét xử xác định ông Triệu Minh L có ký kết Hợp đồng cầm cố số STM230201004NA22X, Phụ lục hợp đồng cầm cố, Phiếu đăng ký cầm cố xe máy, Giấy mượn xe cùng ngày 07/02/2023 với Công ty cổ phần S và được Công ty phê duyệt với số tiền là 6.600.000 đồng (sáu triệu sáu trăm nghìn đồng), lãi suất thỏa thuận là 1.1%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% mức lãi suất cầm cố trong hạn được áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, thời hạn cầm cố là 06 (sáu) tháng kể từ ngày 07/02/2023 đến ngày 07/08/2023. Thời hạn thanh toán tiền định kỳ hàng tháng (bao gồm nợ gốc và lãi trong hạn), thời hạn thanh toán lần đầu là ngày 07/3/2023. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Triệu Minh L đã trả cho Công ty cổ phần S số tiền nợ gốc là 2.130.538 đồng (hai triệu một trăm ba mươi nghìn năm trăm ba mươi tám đồng), lãi trong hạn 133.575 đồng (một trăm ba mươi ba nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng), phí mượn xe là 265.170 đồng (hai trăm sáu mươi lăm nghìn một

trăm bảy mươi đồng), phí quản lý hồ sơ là 60.715 đồng (sáu mươi nghìn bảy trăm mười lăm đồng) và đến ngày 08/4/2023 thì không trả nữa. Ông Triệu Minh L đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng nên việc Công ty cổ phần S yêu cầu ông Triệu Minh L trả số tiền nợ gốc còn lại là 4.469.462 đồng (bốn triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn bốn trăm sáu mươi hai đồng) là có căn cứ, phù hợp với nội dung thỏa thuận về việc trả nợ gốc, lãi suất tại hợp đồng cầm cố đã ký kết và quy định tại Điều 280, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4.3] Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn Công ty cổ phần S, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại Hợp đồng cầm cố số TM230201004NA22X ngày 07/02/2023 được ký kết giữa Công ty cổ phần S và ông Triệu Minh L, mức lãi suất thỏa thuận là 1.1%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% mức lãi suất cầm cố trong hạn (tương đương là 1.65%/tháng) được áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Căn cứ vào khoản 6 Điều 29 của Nghị định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định “*Tỷ lệ lãi suất cho vay tiền khi nhận cầm cố tài sản không vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự*” và đối chiếu tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác.*” Tại khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định “*Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% mức lãi suất vay do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Mức lãi suất trên nợ gốc quá hạn do các bên thỏa thuận không được vượt quá 150% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015*”. Việc thỏa thuận mức lãi suất, lãi suất quá hạn của nguyên đơn Công ty cổ phần S tại hợp đồng cầm cố phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, nguyên đơn công ty cổ phần S yêu cầu tiền lãi suất trong hạn kể từ ngày 08/4/2023 đến ngày 07/8/2023 là 196.656 đồng (một trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi sáu đồng) và tiền lãi suất quá hạn kể từ ngày 08/8/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/9/2024) với số tiền là 990.656 đồng (chín trăm chín mươi nghìn sáu trăm năm mươi sáu đồng) và tiền lãi suất quá hạn kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm đến ngày thanh toán hết nợ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.4] Nguyên đơn Công ty cổ phần S đồng ý trong trường hợp ngay sau khi ông Triệu Minh L thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền gốc và tiền lãi suất, Công ty cổ phần S sẽ giao trả lại cho ông Triệu Minh L bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, biển số 83P4-529.41, loại xe Honda Wave 110c, màu xanh bạc, số khung: RLHJA3922NY526856, số máy: JA39E2994262, chứng nhận đăng ký xe mô tô số 008205 do Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 27/01/2023 cho ông Triệu Minh L. Hội đồng xét xử ghi nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị đơn ông Triệu Minh L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn Công ty cổ phần S không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 309, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần S.

Buộc bị đơn ông Triệu Minh L phải trả cho nguyên đơn Công ty cổ phần S tổng số tiền còn nợ là 5.656.774 đồng (năm triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm bảy mươi bốn đồng) bao gồm tiền nợ gốc là 4.469.462 đồng (bốn triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn bốn trăm sáu mươi hai đồng), tiền lãi suất là 1.187.312 đồng (một triệu một trăm tám mươi bảy nghìn ba trăm mười hai đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Triệu Minh L còn phải thanh toán cho nguyên đơn Công ty cổ phần S mức lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố là 1.65%/tháng trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ gốc.

2. Ngay sau khi bị đơn ông Triệu Minh L thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Công ty cổ phần S có trách nhiệm trả lại cho ông Triệu Minh L bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, biển số 83P4-529.41, loại xe Honda Wave 110c, màu xanh bạc, số khung: RLHJA3922NY526856, số máy: JA39E2994262, chứng nhận đăng ký xe mô tô số 008205 do Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 27/01/2023 cho ông Triệu Minh L.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn Công ty cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Công ty cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001887 ngày 26/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn ông Triệu Minh L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn Công ty cổ phần S và bị đơn ông Triệu Minh L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố S;
- CC THADS thành phố S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Thị Lệ Hằng